Kinh tế thị trường định hướng chủ nghĩa

1. Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam
2. **Khái niệm KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam:**

* KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam là nền KT vận hành theo các quy luật của thị trường đồng thời góp phần hướng tới từng bước xác lập 1 XH mà ở đó dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; có sự điều tiết của Nhà nước do Đảng CSVN lãnh đạo.
* Nền KTTT định hướng XHCN hướng tới góp phần xác lập được hệ giá trị toàn diện của XH: “ dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. ”
* Nền KTTT định hướng XHCN VN vừa có đầy đủ những đặc trưng chung của KTTT vừa có những đặc trưng riêng của VN.
* KTTT định hướng XHCN VN là một kiểu nền KTTT phù hợp với VN, phản ánh trình độ phát triển và điều kiện lịch sử VN.
* ĐH IX của Đảng: KTTT định hướng XHCN là mô hình kinh tế tổng quát của thời kỳ quá độ lên CNXH ở VN.
* ĐH XII của Đảng: Nền KTTT định hướng XHCN ở VN là nền KTTT hiện đại và hội nhập quốc tế; có sự quản lý của nhà nước pháp quyền XHCN, do Đảng Cộng sản VN lãnh đạo, nhằm mục tiêu “ dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh ”.

1. **Tính tất yếu khách quan của việc phát triển KTTT định hướng XHCN ở VN:**

**Một là,** phát triển KTTT định hướng XHCN là phù hợp với xu hướng phát triển khách quan của VN trong bối cảnh thế giới hiện nay:

* + Nền KTTT là nền kinh tế hàng hóa phát triển trình độ cao. Ở VN, các điều kiện cho sự hình thành và phát triển KTTT đang tồn tại khách quan.
  + Nền KTTT tồn tại trong hình thái kinh tế - xã hội cụ thể, gắn bó hữu cơ và chịu sự chi phối của các quan hệ sản xuất thống trị, mang đặc tính khác nhau.
  + Nền KTTT TBCN đang có xu hướng tự phủ định, tự tiến hóa tạo ra những điều kiện cần và đủ cho một cuộc cách mạng xã hội – cách mạng XHCN.

**Hai là,** do tính ưu việc của KTTT định hướng XHCN trong thúc đảy phát triển đối với VN:

* + Là phương thức phân bổ nguồn lực hiệu quả.
  + Là động lực thúc đẩy LLSX phát triển nhanh, có hiệu quả.

**Ba là,** KTTT định hướng XHCN phù hợp với nguyện vọng mong muốn dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh của người dân VN:

* + Trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở VN, 2 điều kiện cho sự tồn tại của SX hàng hóa không hề mất đi, nên việc SX và phân phối sản phẩm vẫn phải được thực thiện thông qua thị trường.

1. **Đặc trưng của KTTT định hướng XHCN ở VN**

Việc phát triển KTTT định hướng XHCN phản ánh điều kiện lịch sử khách quan ở Việt Nam

1. **Về mục tiêu:** 
   * Mục tiêu của KTTT định hướng XHCN là **phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật của CNXH**; nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện “ dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.”
   * Đây là **sự khác biệt về mục tiêu** giữ KTTT định hướng XHCN với KTTT TBCN.
   * **Gắn liền** **với** phát triển LLSX hiện đại **là xây dựng QHSX tiến bộ, phù hợp** nhằm ngày càng hoàn thiện cơ sở KT-XH của CNXH.
2. **Về quan hệ sở hữu và thành phần KT:**
   * Sở hữu là quan hệ giữa người với người trong quá trình SX và tải SX XH trên cơ sở chiếm hữu nguồn lực của quá trình SX và kết quả LĐ tương ứng trong điều kiện lịch sử nhất định.
   * Sở hữu bao gồm: chủ thể sở hữu, đối tượng sở hữu và lợi ích từ đối tượng sở hữu.
   * Các nấc thang phát triển của đối tượng sở hữu là:

Nô lệ 🡪 ruộng đất 🡪 tư bản 🡪 trí tuệ

* + Cơ sở sâu xa cho sự hình thành sở hữu hiện thực: xuất phát từ quá trình sản xuất và tái sản xuất xã hội.
  + Sở hữu chịu sự quy định trực tiếp của: trình độ lực lượng sản xuất mà trong đó xã hội ấy đang vận động.

**Sở hữu bao hàm:**

**+ Nội dung kinh tế:**

* + Sở hữu là cơ sở, điều kiện của sản xuất
  + Biểu hiện trước hết về nội dung kinh tế của sở hữu là: lợi ích kinh tế mà chủ thể sở hữu sẽ được thụ hưởng.

**+ Nội dụng pháp lý:**

* + Sở hữu thể hiện là những quy định mang tính chất pháp lý về quyền hạn, nghĩa vụ của chủ thể sở hữu.
  + Vì vậy, về mặt pháp lý, sở hữu giả định và đòi hỏi sự thừa nhận về mặt luật pháp.
  + Khi đó việc thụ hưởng được coi là chính đáng và hợp pháp.
* **KTTT định hướng XHCN ở VN là nền KT có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần KT, trong đó:**
  + KT nhà nước giữ vai trò quan trọng.
  + KT tư nhân là một động lực quan trọng.
  + KT nhà nước cùng với KT tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền KT quốc dân.
  + Các doanh nghiệp nhà nước chỉ đầu tư vào những ngành KT then chốt vừa chi phối được nền KT vừa đảm bảo được an ninh, quốc phòng và phục vụ lợi ích công cộng,…
  + Các chủ thể thuốc các thành phần KT bình đẳng, hợp tác, cạnh tranh cùng phát triển theo pháp luật.

1. **Về quan hệ quản lý nền KT:**
   * **Đặc trưng riêng: Nhà nước quản lý và thực hành cơ chế quản lý** là nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, sự làm chủ và giám sát của nhân dân.
   * **Nhà nước quản lý nên KTTT định hướng XHCN** thông qua pháp luật, các chiến lược, kế hoạch, quy hoạch và cơ chế chính sách của công cụ KT.
   * **Nhà nước hỗ trợ thị trường trong nước khi cần thiết, hỗ trợ các nhóm dân dư** có thu nhập thấp, gặp rủi ro trong cuộc sống nhằm giảm bớt sự phân hóa giàu nghèo và sự bất bình đẳng trong xã hội mà KTTT mang lại.
   * **Đảng lãnh đạo nền KTTT định hướng XHCN** thông qua cương lĩnh, đường lối phát triển KT – XH, các chủ trương, quyết sách lớn.
   * **Đảng lãnh đạo nền KTTT định hướng XHCN là yếu tố quan trọng** bảo đảm tính định hướng XHCN nên KTTT.
2. **Về quan hệ phân phối:**
   * Quan hệ phân phối bị chi phối và quyết định bởi quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất.
   * Nền KTTT định hướng XHCN là nền kinh tế nhiều thành phần với sự đa dạng hóa các loại hình sở hữu nên có nhiều loại hình phân phối khác nhau.
   * Thực chất của việc thực hiện nhiều hình thức phân phối ở VN là thực hiện các lợi ích KT.
3. **Về quan hệ giữa gắn tăng trưởng KT với công bằng XH:**
   * Nền KTTT định hướng XHCN ở VN thực hiện **gắn tăng trưởng KT với công bằng xã hội**; phát triển KT đi đôi với phát triển văn hóa – xã hội; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và từng giai đoạn phát triển của KTTT.
   * Ngày nay, **ở các nước TBCN cũng đặt ra vấn đề giải quyết công bằng XH**: để duy trì sự phát triển của chế độ TBCN.
   * **Đây là đặc trưng phản ánh thuộc tính quan trọng** mang tính định hướng XHCN nền KTTT ở VN.
   * **Thực hiện công bằng XH ở VN không chỉ dựa vào chính sách điều tiết thu nhập**, an sinh XH, phúc lợi XH mà còn phải tạo ra những điều kiện, tiền đề cần thiết để bảo đảm cho mọi người dân đều có cơ hội như nhau trong việc tiếp cận các dịch vụ XH cơ bản.